

Bản án số: 13/2023/DS-ST
Ngày: 22-3-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Đẹp
- Ông Nguyễn Văn Hai

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đỗ Minh Thìn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn H, sinh năm: 19AA.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 19ĐĐ.

Địa chỉ: Số E, khóm R, phường Y, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Bị đơn:** Công ty N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Duy C1, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số U, khóm O, phường Y, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty N: Luật sư Tô Phú Đ1 – Văn Phòng Luật sư C1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Phạm Ngọc T, sinh năm: 19II.

Địa chỉ: Số U, khóm O, phường Y, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Kim L, Luật sư Đ1 có mặt tại phiên tòa; Ông C1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Văn H là bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:***

Trước đây, vào ngày 10/01/2020 ông Trần Văn H và Công ty N (gọi tắt là Công ty), đại diện là ông Phạm Ngọc T, chức vụ Phó Giám đốc có lập Văn bản thỏa thuận vay vốn cá nhân ngày 10/01/2020 có ghi rõ số tiền vay là 300.000.000đồng, mục đích Công ty vay tiền của ông H để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thời hạn vay là từ ngày 10/01/2020 đến ngày 10/3/2020, thời hạn trả vốn gốc chậm nhất là ngày 10/3/2020, lãi vay trong hạn là 3%/tháng (01 tháng = 30 ngày), thời gian trả lãi vào ngày 10/01 hàng tháng, hình thức vay tín chấp. Bên cho vay là ông H có ký tên và bên vay Công ty do ông T là Phó Giám đốc làm đại diện có ký tên và đóng dấu Công ty. Cũng trong ngày này ông H đã giao số tiền vốn vay 300.000.000đồng cho Công ty do ông T là Phó Giám đốc làm đại diện nhận và có ký tên và đóng dấu Công ty trong Biên nhận ngày 10/01/2020.

Sau khi vay tiền của ông H thì Công ty không đóng tiền lãi vay, chưa trả tiền vốn vay lần nào, dù thời hạn vay đã hết, ông H cũng đã nhiều lần đến Công ty yêu cầu trả nợ vay, nhưng Công ty chỉ trốn tránh, hứa hẹn cho qua chuyện mà không trả nợ. Ngày 10/12/2020 ông H đã gửi thông báo bằng văn bản “về việc thanh toán tiền theo thỏa thuận”, ngày 08/01/2021 ông H tiếp tục gửi thông báo lần 2 bằng văn bản “về việc thanh toán tiền theo thỏa thuận” nhưng Công ty chưa trả tiền vốn vay, tiền lãi vay lần nào cho ông H.

Tại phiên tòa hôm nay ông Trần Văn H yêu cầu Công ty N trả cho ông H số tiền vốn vay là 300.000.000đồng và tiền lãi vay phát sinh từ ngày 10/01/2020 đến ngày xét xử 22/9/2022 là 32 tháng 12 ngày (ông H chỉ yêu cầu tính tròn là 32 tháng) là $32 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 300.000.000\text{đồng} = 79.680.000\text{đồng}$. Tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi vay là 379.680.000đồng. Ông H không có yêu cầu gì đối với ông Phạm Ngọc T, không yêu cầu ông T trả số tiền trên hay yêu cầu ông T cùng liên đới với Công ty trả số tiền trên cho ông H.

Ngoài ra, ông H không có yêu cầu gì khác.

Ông T đại diện Công ty vay tiền của ông H thể hiện qua việc trong Văn bản thỏa thuận vay vốn cá nhân ngày 10/01/2020 và Biên nhận ngày 10/01/2020 ông T ký tên với tư cách Phó Giám đốc và có đóng dấu của Công ty. Ngoài ra, trong các văn bản Công ty gửi Công ty W, Hợp đồng thi công với Công ty W và các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty trong năm 2020 ông T có thẩm quyền đại diện Công ty ký. Qua đó chứng minh ông T là người đại diện của Công ty để vay tiền ông H.

*** Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty N là ông Lê Duy C1, chức vụ Giám đốc có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:**

Trước đây, ông Phạm Ngọc T là Phó Giám đốc Công ty chỉ được Giám đốc Công ty là ông Lê Duy C1 phân công, ủy quyền thực hiện một số công việc nhất định, cụ thể qua từng năm và qua việc phân công, ủy quyền cho ông T qua từng năm thì Giám đốc không có ủy quyền cho ông T đi vay tiền cá nhân bên ngoài. Do ông T là Phó Giám đốc công ty nên cũng được sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện công việc được giao, vì vậy ông T nói dối ông H là vay tiền của ông H để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tạo nhầm lẫn để ông H cho ông T vay tiền. Thực tế việc ông T vay tiền của ông H là với tư cách cá nhân ông T và ông T sử dụng riêng số tiền này chứ không phải vay tiền cho Công ty và không có nhập vào vốn Công ty hay sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Sau khi Công ty phát hiện ông T có những khuất tất trong việc thực hiện công việc, lấy danh nghĩa Phó Giám đốc Công ty mượn tiền của cá nhân khác, gây ảnh hưởng đến uy tín của Công ty, nên đến ngày 26/02/2021 Công ty đã miễn nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông T. Sau đó ông T bỏ việc ở Công ty nên ngày 01/3/2021 Công ty đã ra quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với ông T.

Nay Công ty N không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H, vì từ trước đến nay Công ty do ông C1 là người đại diện theo pháp luật, chức vụ Giám đốc không có vay tiền của ông H. Còn việc ông Phạm Ngọc T có vay tiền của ông H là với tư cách cá nhân của ông T, không liên quan gì đến Công ty.

Trường hợp xét xử buộc Công ty trả nợ cho ông H hoặc Công ty phải liên đới với ông T trả nợ cho ông H thì Công ty đề nghị xem xét trách nhiệm của ông T theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, Công ty không có yêu cầu gì khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Ngọc T từ khi thụ lý vụ án đến nay Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có văn bản nêu ý kiến và không đến Tòa án để làm việc.**

*** Luật sư Tô Phú Đ1 bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Công ty N phát biểu quan điểm tranh luận:**

Luật sư Tô Phú Đ1 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn H yêu cầu Công ty N trả cho ông H số tiền vốn vay là 300.000.000đồng và tiền lãi vay phát sinh từ ngày 10/01/2020 đến ngày xét xử 22/9/2022 là 32 tháng 12 ngày (ông H chỉ yêu cầu tính tròn là 32 tháng) là 32 tháng x 0,83%/tháng x 300.000.000đồng = 79.680.000đồng. Vì từ trước đến nay Công ty do ông C1 là người đại diện theo pháp luật, chức vụ Giám đốc không có vay tiền của ông H, cũng không có ủy quyền cho ông T vay tiền của ông H; Việc ông T có vay tiền của ông H là với tư cách cá nhân của ông T, không liên quan gì

đến Công ty. Trong sổ quỹ tiền mặt và sổ tiền gửi ngân hàng các năm 2019, 2020 của Công ty không có khoản tiền Công ty vay của ông H.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc phát biểu ý kiến: Về tố tụng, thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H yêu cầu Công ty N trả cho ông H số tiền vốn vay là 300.000.000đồng và tiền lãi vay phát sinh từ ngày 10/01/2020 đến ngày 22/9/2022.

Về án phí: Các đương sự nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn về hợp đồng vay tài sản (tiền), xác định đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Ông Lê Duy C1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; ông Phạm Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa được mở lần thứ hai không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự này theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Xét yêu cầu của ông Trần Văn H yêu cầu Công ty N trả cho ông H số tiền vốn vay là 300.000.000đồng và tiền lãi vay phát sinh từ ngày 10/01/2020 đến ngày xét xử 22/9/2022 là 32 tháng 12 ngày (ông H chỉ yêu cầu tính tròn là 32 tháng) là 32 tháng x 0,83%/tháng x 300.000.000đồng = 79.680.000đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

"1. Đương sự có yêu cầu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp..."

Nguyên đơn ông Trần Văn H cung cấp cho Tòa án Văn bản thỏa thuận vay vốn cá nhân ngày 10/01/2020, Biên nhận ngày 10/01/2020 và các văn bản Công ty gửi Công ty W, Hợp đồng thi công với Công ty W, các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty trong năm 2020 do ông Phạm Ngọc T ký tên với tư cách Phó Giám đốc và

có đóng dấu của Công ty để chứng minh việc ông T vay tiền của ông H là đại diện cho công ty vay chứ không phải ông T vay tiền với tư cách cá nhân ông T.

Tuy nhiên, bị đơn Công ty N không thừa nhận việc ông T vay tiền ông H với tư cách là người đại diện của Công ty. Phía Công ty cũng cung cấp các tài liệu, chứng cứ như: Giấy ủy quyền số 01/UQ-TNC ngày 02/01/2019, Giấy ủy quyền số 01/UQ-TNC ngày 02/01/2020 và các Sổ quỹ tiền mặt, Sổ tiền gửi ngân hàng của Công ty các năm 2019, 2020.

[2.2] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ phía Công ty cung cấp Hội đồng xét xử xét thấy Giấy ủy quyền số 01/UQ-TNC ngày 02/01/2019, Giấy ủy quyền số 01/UQ-TNC ngày 02/01/2020 không có nội dung người đại diện theo pháp luật của Công ty (ông C1) ủy quyền cho ông T vay tiền của cá nhân và Sổ quỹ tiền mặt, Sổ tiền gửi ngân hàng của Công ty các năm 2019, 2020 không có liệt kê số tiền 300.000.000đồng ông H cho rằng ông T đại diện Công ty vay của ông H ngày 10/01/2020.

Bên cạnh đó, vào thời điểm ngày 10/01/2020 ông T giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty được Giám đốc ủy quyền thực hiện các công việc như ký hợp đồng thi công các công trình với khách hàng, ký hóa đơn bán hàng khi Giám đốc đi công tác. Vì vậy, việc bị đơn cho rằng ông T là Phó Giám đốc công ty nên cũng được sử dụng con dấu của Công ty và ông T vay tiền của ông H với tư cách cá nhân, nhưng tự ý lấy dấu Công ty đóng vào Văn bản thỏa thuận vay vốn cá nhân ngày 10/01/2020, Biên nhận ngày 10/01/2020, lời trình bày này của bị đơn là có căn cứ.

[2.3] Tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật dân sự quy định về hậu quả của giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện như sau:

“1. Giao dịch dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện vượt quá phạm vi đại diện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của người được đại diện đối với phần giao dịch được thực hiện vượt quá phạm vi đại diện...”

Người đại diện theo pháp luật của Công ty N không có ủy quyền cho ông Phạm Ngọc T vay tiền của ông Trần Văn H. Nhưng ông T lại đại diện Công ty xác lập, thực hiện việc vay tiền của ông H là vượt quá phạm vi đại diện.

Vì vậy, việc ông T vay tiền của ông H không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của Công ty N.

[2.4] Từ những căn cứ và phân tích như trên, xét yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Văn H yêu cầu Công ty N trả cho ông H số tiền vốn vay là 300.000.000đồng và tiền lãi vay phát sinh từ ngày 10/01/2020 đến ngày xét xử 22/9/2022 là 32 tháng 12 ngày (ông H chỉ yêu cầu tính tròn là 32 tháng) là 32 tháng x 0,83%/tháng x 300.000.000đồng = 79.680.000đồng; tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi vay là 379.680.000đồng. Nhưng ông H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc Công ty N vay tiền của ông H, cũng như không chứng minh được việc Công ty có nhập số tiền vốn vay 300.000.000đồng của ông H vào Công ty nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông H.

[3] Ông Trần Văn H không có tranh chấp, không yêu cầu gì đối với ông Phạm Ngọc T trong vụ án này, nên không xem xét. Sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Đối với ý kiến của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn Công ty N có căn cứ để chấp nhận như phân tích trên.

[5] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, nên ông H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Về chi phí thông báo tìm kiếm ông Phạm Ngọc T trên phương tiện thông tin đại chúng ông Trần Văn H phải chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 180, 227, 228, 264, 271, 273, 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 143, 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn Công ty N. Không chấp nhận việc ông H yêu cầu Công ty N trả cho ông H số tiền vốn vay là 300.000.000đồng và tiền lãi vay là 79.680.000đồng, tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi vay là 379.680.000đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn H phải chịu 18.984.000đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp tạm ứng 8.278.000đồng theo biên lai thu số 0013617 ngày 30/3/2021. Sau khi khấu trừ ông H phải nộp tiếp 10.706.000đ (Mười triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Trần Văn H phải chịu toàn bộ chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tìm kiếm ông Phạm Ngọc T số tiền là 2.400.000đồng. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng ông H đã nộp tạm ứng 2.400.000đồng.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP. Sa Đéc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Minh Trí